

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

Kính thưa Đại hội!

Thưa toàn thể các Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt (VPro) như sau:

I. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2021

Trong năm 2021, với sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cùng toàn thể người lao động, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, VPro đã đạt được mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận cụ thể:

- Doanh thu: 27,934 tỷ đồng đạt 94,76% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 17,140 tỷ đồng đạt 1378,92% so với kế hoạch.

II. Hoạt động của HĐQT năm 2021

1. Về cơ cấu nhân sự HĐQT năm 2021

HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt gồm 5 thành viên, trong năm 2021 Công ty không có bất kỳ sự thay đổi nào về nhân sự HĐQT.

Hoạt động của các thành viên HĐQT đều được phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo tính dân chủ và sức mạnh tập thể; thực hiện thẩm tra các nội dung, nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT đồng thời giám sát chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

Các thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2021 theo đúng chức trách, công việc được giao với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi hoạt động Công ty theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ, phù hợp với định hướng chiến lược vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty.

2. Đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2021

2.1. Đánh giá kết quả về hoạt động của HĐQT năm 2021

Trong năm 2021, HĐQT tiến hành 11 cuộc họp và 02 phiên họp xử lý công việc trực tiếp, ban hành 15 nghị quyết nhằm triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 (*Danh sách Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2021 được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2021*), nội dung các nghị quyết chủ yếu là các vấn đề quan trọng phục vụ kịp thời công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, công tác tài chính, chi phí.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác điều hành. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên.

2.2. Đánh giá kết quả hoạt động của thành viên HĐQT năm 2021

Trong năm 2021, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo điều hành trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh thông qua việc tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường ra các nghị quyết/quyết định trong phạm vi thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh và công tác quản lý mọi mặt hoạt động của công ty.

Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò của mình và đã đề xuất nhiều giải pháp, đưa ra các quyết định đúng đắn kịp thời và tuân thủ các quy định của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển công ty thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách của Ban Tổng Giám đốc được phân tích, phân biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của công ty. HĐQT đã lãnh đạo và quản lý công ty hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của năm 2021, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, mang lại hiệu quả cho cổ đông và thu nhập ổn định cho người lao động của Công ty.

2.3. Công tác chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh

HĐQT đã thường trực bám sát hoạt động và trên các lĩnh vực, dự án của Công ty, trực tiếp chỉ đạo giám sát Ban điều hành và cán bộ quản lý triển khai thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; định hướng chiến lược phát triển các dự án; chỉ đạo giám sát công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn, quản lý chi phí; công tác đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các dự án.... Các thành viên HĐQT thường xuyên làm việc thường trực, trực tiếp giải quyết kịp thời nhiều công việc cấp bách, quan trọng trong tất cả các mảng hoạt động.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT

Báo cáo về thù lao của HĐQT năm 2021 được trình bày cụ thể tại tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT năm 2021.

4. Hoạt động của các thành viên độc lập HĐQT và đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT

4.1. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- Trong cơ cấu thành viên HĐQT của VPro hiện nay có 1/5 thành viên HĐQT đủ tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT, phù hợp với các quy định hiện hành.

- Thành viên độc lập HĐQT của Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, các văn bản quy chế của công ty và quy định của pháp luật.

4.2. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT đã có những quyết sách linh hoạt để ứng phó với những thay đổi trong hoạt động SXKD do tác động của dịch bệnh Covid-19. Những chỉ đạo về chiến lược kịp thời về mục tiêu và phương án kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua trong tình hình khó khăn chung nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho hoạt động của cả doanh nghiệp và người lao động. HĐQT cũng đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh.

III. Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển năm 2022

Nhận định tình hình chính trị, kinh tế xã hội năm 2021 có những thuận lợi nhưng cũng còn nhiều khó khăn đặc biệt là suy thoái chung của nền kinh tế do dịch bệnh Covid 19 đang tiếp tục diễn biến phức tạp.

Năm 2022, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao.

- Nghiên cứu và từng bước mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa bàn (Yên Bái, Hòa Bình, Ninh Thuận, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bình Định...) và bổ sung một số ngành nghề mới đảm bảo cho sự ổn định phát triển doanh nghiệp.

- Tiếp tục phối hợp với đối tác đầu tư xử lý dứt điểm các thủ tục đất đai và vướng mắc trong hợp tác đầu tư, xúc tiến tổ chức khởi công đầu tư xây dựng.

- Tham gia phối hợp cùng đối tác hoàn thiện các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư và đánh giá tình hình thực tế kế hoạch tài chính để đầu tư phát triển dự án hoặc chuyển nhượng vốn góp.

- Xúc tiến hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết, lập dự án mới, tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện đầu tư/sở hữu, phát triển hoặc chuyển nhượng một số trong các dự án mới.



- Đẩy mạnh, nâng cao năng lực quản lý, điều hành giám sát hoạt động của các công ty liên kết, thực hiện hiệu quả các khoản mục đầu tư tài chính....

- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong công ty theo hướng phù hợp với các quy định mới, nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động môi giới, kinh doanh bất động sản, khai thác và kinh doanh khoáng sản, đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động có biên lợi nhuận tốt và ít rủi ro về thanh toán, tăng cường giám sát, hỗ trợ các công ty liên kết.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý bộ máy điều hành trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực hiện có đồng thời kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Tiết giảm chi phí, quản lý chặt chẽ từng lĩnh vực, công việc cụ thể, khắc phục những bất hợp lý trong quá trình điều hành SXKD.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành Công ty đưa công ty phát triển bền vững như mong đợi của các cổ đông.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2021 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2022. Kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Ban Kiểm soát;
- UV. HĐQT;
- BTC ĐHĐCĐ thường niên 2022;
- Lưu HĐQT, TCHC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Huy



Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

(Về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Quyết định 24CT/QĐ-HĐQT ngày 21/12/2007 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt.

- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán ngày: 21/3/2022

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt xin kính trình Quý cổ đông báo cáo tình hình kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính năm 2021 tại Công ty với các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT NĂM 2021:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.226.030.148	23.741.669.823
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.226.030.148	23.741.669.823
4	Giá vốn hàng bán	20.990.291.134	2.983.258.123
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.235.739.014	20.758.411.700
6	Doanh thu hoạt động tài chính	492.107.223	4.188.410.731
7	Chi phí tài chính	667.632.577	1.055.954.618
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết		
9	Chi phí bán hàng		
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.652.502.928	6.752.054.173
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.592.289.268)	17.138.813.640
12	Thu nhập khác	5.264.929.896	4.776.561
13	Chi phí khác	133.684	13.104.893
14	Lợi nhuận khác	5.264.796.212	(8.328.332)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	672.506.944	17.130.485.308
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành		
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	672.506.944	17.130.485.308
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	673.500.425	17.140.195.092

20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông KKS	(993.481)	(9.709.784)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	13	343

2. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	01/01/2021	31/12/2021
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	147.923.909.904	159.891.057.178
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	251.102.822.378	249.511.059.632
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	399.026.732.282	409.402.116.810
IV	NỢ PHẢI TRẢ	163.284.133.705	156.229.032.925
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	235.742.598.577	253.173.083.885
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	399.026.732.282	409.402.116.810

Nhận xét:

Việc ghi chép các số liệu trong báo cáo phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Nguyên tắc trong phạm vi lập, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ, và bảo quản chứng từ đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

Nhìn chung các số liệu trên báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2021 của Công ty. Tuy nhiên trong báo cáo tài chính đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ và các vấn đề cần lưu ý, vì vậy Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo đơn vị tập trung rà soát, xử lý nhanh nhất các vấn đề tồn tại trên của đơn vị.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021:

Hoạt động của ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và Ban điều hành trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ quy chế, quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

Hàng quý, BKS đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, việc thực hiện các quy chế, quy trình. Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Phối hợp với HĐQT, Ban Điều hành trong việc góp ý, xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành SXKD.

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

Hàng quý, BKS đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, họp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị đối với HĐQT và ĐHĐCĐ nhằm tuân thủ, hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và

tài chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị của BKS đã được HĐQT và BDH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.

Trong năm, BKS cũng không nhận được đơn, thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, báo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

5. Kết quả giám sát đối với HĐQT, ban điều hành của Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. Đối với các vấn đề đột xuất HĐQT thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Trong năm 2021 bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT tổ chức 11 cuộc họp và 02 phiên họp xử lý công việc trực tiếp, đã ban hành 15 Nghị quyết và 10 Quyết định và các văn bản khác để quản lý các hoạt động của Công ty cũng như chỉ đạo hoàn thiện các văn bản quản lý Công ty. Các Nghị quyết/Quyết định được HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

Hoạt động của Ban Điều hành

Công tác điều hành SXKD của Ban điều hành đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty. Ban điều hành đã phân tích đánh giá đầy đủ khó khăn, thuận lợi, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón cơ hội, đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt sâu sát mọi hoạt động của Công ty.

Ban điều hành Công ty luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban điều hành Công ty đã hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng của mình, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được Ban điều hành Công ty phản hồi đầy đủ và kịp thời.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các họp giao ban hàng tháng của Công ty.

Ban kiểm soát đã thông báo cho HĐQT và Ban điều hành về kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2021 để phối hợp. Ban kiểm soát đã được xem xét các kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, báo cáo kiểm toán của CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA) xem xét các ý kiến phản hồi của HĐQT và Ban điều hành.



II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2021. Kiểm tra việc thực hiện báo cáo theo quy định của các Phòng/Ban và đơn vị về tính kịp thời, chính xác của số liệu.

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch cân đối nhu cầu vốn và kế hoạch dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2022

Kiểm tra công tác quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn của Cổ đông; Kiểm tra giám sát hiệu quả công tác đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị và hiệu quả hoạt động của công ty.

Kiểm tra cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị, công tác tái cấu trúc, công tác bổ nhiệm nhân sự, tuyển dụng lao động, chi trả lương và thu nhập.

Tập trung vào kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu hồi vốn của Công ty và đơn vị thành viên.

Ban Kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý tại văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty.

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2021, Ban kiểm soát đề nghị HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty xem xét tiếp tục triển khai một số việc như sau:

Rà soát, đánh giá lại hiệu quả đầu tư các dự án của công ty, tập trung nguồn lực vào các dự án trọng điểm, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính theo định hướng phát triển của Công ty.

Quyết liệt tập trung tăng cường công tác thu hồi công nợ, các khoản nợ phải thu đã quá hạn, sau khi đã có các biện pháp thúc đẩy đàm phán mà không có hiệu quả, cần sự phối hợp của các cơ quan pháp luật nhà nước.

Xây dựng kế hoạch vốn và nguồn bố trí cho hoạt động sản xuất kinh doanh 2022 của đơn vị.

Tăng cường rà soát tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của các chứng từ, đảm bảo theo đúng quy định của Công ty và của Pháp luật hiện hành.

Trên đây là những nội dung chủ yếu Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tình hình sản xuất kinh doanh, về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát, giúp chúng tôi thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (để b/c);
- HĐQT;
- Lưu BKS.

T.M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỜNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
NHÀ ĐẤT VIỆT
QUỐC CẦU GIẤY PHẠNG
Nguyễn Văn Kỳ



BÁO CÁO**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021
Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022**

Năm 2021 là năm thứ hai mà kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh Covid-19. Nhờ chủ động và quyết liệt trong công tác phòng chống dịch, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng. Tuy nhiên, các ngành nghề trong nước đều bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình đó, Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt đã kịp thích ứng, khẩn trương linh hoạt trong quản trị cũng như các chiến lược kinh doanh, nhờ vậy Công ty không chỉ hạn chế các ảnh hưởng của dịch bệnh mà còn thực hiện được một số hoạt động, cụ thể:

I. Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2021**1. Các chỉ tiêu cơ bản**

- Doanh thu là: 27,934 tỷ đồng đạt 94,76% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế là: 17,140 tỷ đồng đạt 1378,92% so với kế hoạch.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Dự án Chung cư Linh Tây Tower tại Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP. HCM:

- Thực hiện một số công việc liên quan đến việc sửa chữa, bảo hành các căn hộ tại dự án.
- Về cơ bản, công ty đã bàn giao gần hết 101 sổ hồng cho cư dân. Tuy nhiên, vẫn còn một vài khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán với công ty nên công tác bàn giao vẫn chưa hoàn tất.

2.2. Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ văn hóa thể thao và văn phòng tại quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo định hướng phát triển và kế hoạch đặt ra của VPro, nỗ lực tìm kiếm các đối tác để hợp tác đầu tư, liên danh/liên doanh nhằm mục đích đảm bảo tài chính để thực hiện Dự án.

2.3. Dự án Nam Đàn plaza:

Vừa qua, Công ty CP Địa ốc Dầu khí Viễn thông đã đàm phán, trao đổi và ký kết Hợp đồng Liên danh số 181220/HĐLD/STS-PVT với Công ty TNHH Phát triển STS Hàn quốc về việc cùng thực hiện Dự án Nam Đàn Plaza. Ngày 06/04/2022, ĐSQ Hàn quốc tại Việt Nam đã có văn bản gửi UBND TP Hà Nội đề nghị UBND TP quan tâm và hỗ trợ để STS tham gia vào Dự án.

Việc chuyển nhượng hơn 12 triệu cổ phần và quyền mua cổ phần của VPro tại Công ty cổ phần Địa ốc dầu khí viễn thông (PVT) đang thực hiện theo thông báo số 2974/NV-THADS ngày 16/7/2020 của Cục thi hành án dân sự TP Hà Nội.

2.4. Dự án Khu dân cư tại Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai:

Hiện nay, UBND tỉnh Đồng Nai đang có kế hoạch điều chỉnh quy hoạch chi tiết tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch. Khi có quy hoạch chính thức, căn cứ thực tế, Công ty sẽ làm việc với địa phương.

2.5. Dự án đầu tư vào Công ty CP Khang Minh Group:

Đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần của VPro tại Công ty cổ phần Khang Minh.

2.6. Dự án Nhà máy sản xuất da giày Yên Bái:

Với nguồn lực hiện có, Công ty IPC đã cố gắng phối hợp với các cơ quan ban ngành đẩy nhanh tiến độ công việc, cùng với việc đề xuất, kiến nghị với Ban quản lý các khu công nghiệp (Ban QLCKCN) và Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái để có giải pháp tháo gỡ các khó khăn trong các thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục về đất đai. Do ảnh hưởng kéo dài liên tục của dịch bệnh Covid-19 và phương án/giải pháp phòng chống dịch (giãn cách xã hội, tổ chức giao thông, cách ly y tế...) của tỉnh Yên Bái làm cho các công việc của dự án bị chậm tiến độ so với kế hoạch dự kiến. Mặc dù vậy, Công ty đã chủ động vượt khó, nỗ lực thích ứng với tình hình mới để triển khai một số nội dung công việc như sau:

+ Đã hoàn thiện xong công tác đo đạc, lập và thẩm tra/thẩm định bản đồ thu hồi đất của dự án (công tác này mất nhiều thời gian do phải rà soát, kiểm tra kỹ lưỡng với các hồ sơ /trường hợp để tránh sai sót phải làm lại).

+ Phối hợp lập dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với phần diện tích thực hiện dự án.

+ Tiếp tục làm việc với Ban QLCKCN và UBND tỉnh Yên Bái để đề xuất phương án tháo gỡ trong việc tạm ứng chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB do địa phương bổ xung một số quy định về bồi thường giải phóng mặt bằng, đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn để có thể điều chỉnh quy mô dự án để đảm bảo hiệu quả đầu tư dự án của doanh nghiệp.

2.7. Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty CP Đầu tư và phát triển Phong Phú Lăng Cô.

- Hiện, Công ty vẫn còn sở hữu gần 10% vốn (2,44 triệu cổ phần) của Công ty CP Bất động sản xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC Land). Do một số vấn đề liên quan đến các nhóm cổ đông của PVCLand nên VPro đang đàm phán với các đối tác để chuyển nhượng lại phần vốn góp.

2.8. Dự án Khu ở mới sinh thái sông Kỳ Cùng xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn

Liên danh Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lạng Sơn - Công ty CP Đầu tư nhà Đất Việt đã ký Hợp đồng thực hiện Dự án đầu tư “Khu ở mới sinh thái sông Kỳ Cùng, xã Mai Pha, TP. Lạng Sơn” với UBND Tỉnh Lạng Sơn vào tháng 12/2021.

Dự án có tổng kinh phí thực hiện hơn 412 tỷ đồng, thời gian thực hiện 36 tháng. Mục tiêu của Dự án là xây dựng khu ở mới sinh thái đáp ứng nhu cầu nhà ở, vui chơi giải trí, làm việc với đối tượng là người dân vùng lân cận, chuyên gia trong và ngoài nước làm việc tại TP. Lạng Sơn. Dự án có tiêu chí xanh, hài hòa với cảnh quan tự nhiên của sông Kỳ Cùng.

2.9. Môi giới, đầu tư bất động sản khu công nghiệp



Sau một thời gian làm việc kiên trì, đeo bám (từ năm 2020), Công ty đã thực hiện xong hợp đồng môi giới đầu tiên với Công ty cổ phần Green I-Park, mang về cho Công ty khoảng 20,96 tỷ đồng (trước VAT). Năm 2022, Công ty phấn đấu thực hiện tiếp các hợp đồng môi giới tiếp theo. Kinh tế thế giới và Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đã dẫn đến thực tế là nhiều nhà đầu tư chấp nhận chịu phạt để chưa hoặc không triển khai các hoạt động đầu tư tại Việt Nam, chờ đợi tình hình bệnh dịch được khống chế nên cũng gây nhiều khó khăn cho hoạt động này.

2.10. Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn của Công ty

Năm 2021, sau khi được ĐHCĐ chấp thuận việc phát hành thêm 10 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Công ty đã chủ động tìm kiếm, lựa chọn và làm việc với một số nhà đầu tư, khách hàng, cổ đông chiến lược có đủ năng lực tài chính để phát hành cổ phiếu. Tuy nhiên vì một số lý do chủ quan cũng như khách quan (dịch bệnh Covid-19 kéo dài, biện pháp giãn cách xã hội...) đã ảnh hưởng trầm trọng đến doanh nghiệp nên Nhà đầu tư đã đơn phương xin tạm dừng việc mua cổ phiếu của Công ty. Nên việc phát hành thêm cổ phiếu đã không thể thực hiện theo đúng như kế hoạch đề ra.

2.11. Cũng do căng thẳng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và dịch bệnh Covid-19 nên việc khai thác, thương mại sản phẩm đá marble với Công ty TNHH Quảng Phát tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái vẫn bị đình trệ.

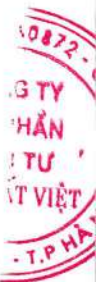
II. Kế hoạch SXKD năm 2022

1. Kế hoạch mục tiêu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 30 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 02 tỷ đồng

2. Hoạt động SXKD và định hướng

- 2.1. Công ty tiếp tục đàm phán với các đối tác để huy động vốn vào dự án Tổ hợp trung tâm thương mại, dịch vụ văn hóa thể thao và văn phòng tại quận Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- 2.2. Phối hợp cùng đối tác để phát triển Dự án “Khu ở mới sinh thái sông Kỳ Cùng, xã Mai Pha, TP. Lạng Sơn”.
- 2.3. Phối kết hợp với Công ty TNHH Quảng Phát để khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm đá marble.
- 2.4. Tiếp tục triển khai Dự án Nhà máy sản xuất da giày Yên Bái, theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của địa phương.
- 2.5. Khi có quy hoạch mới tại huyện Nhon Trach, Công ty sẽ làm việc với UBND Tỉnh Đồng Nai.
- 2.6. Tiếp tục tìm kiếm các dự án tại một số địa phương: Hoà Bình, Yên Bái, Phú Thọ, Bình Định, Bình Thuận, Ninh Thuận, Lạng Sơn...
- 2.7. Đẩy mạnh hoạt động môi giới bất động sản khu công nghiệp tại khu công nghiệp Liên Hà Thái, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, khu công nghiệp tỉnh Yên Bái...
- 2.8. Đầu tư, góp vốn vào các doanh nghiệp tiềm năng thông qua hình thức sở hữu cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ...



2.9. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp sở hữu các mỏ khoáng sản và các nhà máy chế biến, gia công về khoáng sản.

2.10. Tiếp tục đàm phán với các đối tác để chuyển nhượng 2,44 triệu cổ phần của Công ty CP Bất động sản xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC Land).

3. Một số định hướng

Sử dụng linh hoạt các hình thức huy động vốn với chi phí hợp lý và thời gian phù hợp, tăng tốc độ phát triển các dự án, đẩy mạnh công tác kinh doanh để tăng nguồn thu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tiếp tục phát hành cổ phiếu để tăng vốn và trái phiếu doanh nghiệp cho các dự án.

Tiếp tục thực hiện các kế hoạch, biện pháp nâng cao vốn chủ sở hữu, duy trì các chỉ số tài chính.

Triển khai các chính sách và kế hoạch đầu tư kinh doanh thuyết phục để thu hút những nhà đầu tư có năng lực phát triển dự án và năng lực tài chính trong và ngoài nước. Nghiên cứu, áp dụng các hình thức đầu tư – hợp tác với Công ty dưới nhiều hình thức khác nhau như hợp tác đầu tư phát triển các dự án....

Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy công ty. Xây dựng mô hình quản trị Công ty theo các chuẩn mực và các quy định hiện hành, chuẩn hóa các quy trình để gia tăng hiệu suất và chất lượng công việc.

Xây dựng môi trường làm việc hiện đại, văn minh, xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới sự hài hòa của các bên liên quan.

Đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh về thương mại dịch vụ, các dự án bất động sản công nghiệp....trên nguyên tắc xây dựng bộ máy quản trị tinh gọn, đa năng và linh hoạt.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2022 của Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐTN;
- Cổ đông;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS
- Lưu: TCHC/KHĐT/KT

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thành Hưng

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 00./TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06/02/2021:

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) kiểm toán với các nội dung chính như sau:

- Tổng tài sản:	409,40 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu:	253,17 tỷ đồng
- Vốn điều lệ:	500,00 tỷ đồng
- Doanh thu:	27,93 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	17,14 tỷ đồng

(Báo cáo tài chính đã kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty đề nghị Quý cổ đông xem tại địa chỉ www.vpr.vn - mục: "Quan hệ cổ đông".

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BanTGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
NHÀ ĐẤT VIỆT
Đ. CẦU GIẤY - T. P. HÀ NỘI
Trần Quốc Huy

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/TT-~~HDQT~~

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021
Dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và Dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2022 như sau:

1. Quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Mức lương, thù lao /tháng	Số người	Mức lương, thù lao /năm	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	TV HĐQT chuyên trách (hoặc tham gia điều hành hoạt động Công ty)	Theo quy chế trả lương công ty	2		
2	TV HĐQT không chuyên trách	2.500.000	3	82.500.000	1 TV HĐQT kiêm nhiệm quyền TGD trong 1 quý
II	Ban Kiểm soát				
1	Trưởng Ban KS chuyên trách	Theo quy chế trả lương công ty	1		
2	TV BKS không chuyên trách	1.500.000	2	36.000.000	
Tổng cộng:				118.500.000	



2. Dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Mức lương, thù lao /tháng	Số người	Mức lương, thù lao /năm
I	Hội đồng quản trị			
1	TV HĐQT chuyên trách (hoặc tham gia điều hành hoạt động Công ty)	Theo quy chế trả lương công ty	1	
2	TV HĐQT không chuyên trách	2.500.000	4	120.000.000
II	Ban Kiểm soát			
1	Trưởng Ban KS chuyên trách	Theo quy chế trả lương công ty	1	
2	TV BKS không chuyên trách	1.500.000	2	36.000.000
Tổng cộng:				156.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Huy



Số: 05 /TTr-BKS

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Dựa trên đánh giá về chất lượng và uy tín của các công ty kiểm toán tại Việt Nam, Hội đồng quản trị (HDQT) trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt danh sách công ty kiểm toán và ủy quyền cho HDQT lựa chọn một trong các công ty dưới đây là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022 của Công ty:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam AVA.
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Trong trường hợp một trong các đơn vị kiểm toán nêu trên không thể thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt, HDQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HDQT Công ty chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán khác thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty trên cơ sở chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán do công ty kiểm toán đưa ra.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Số: 06 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: *Phê duyệt chuyển nhượng cổ phần tại Công ty có vốn góp*)

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua;

Để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện việc cơ cấu lại danh mục đầu tư, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của VPro tại các công ty có vốn góp như sau:

1. Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCLand)

- Số cổ phần VPro đang sở hữu : 2.440.000 cổ phần.
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập.
- Mệnh giá : 10.000 đồng/1 cổ phần.
- Khối lượng chuyển nhượng : 2.440.000 cổ phần.
- Giá chuyển nhượng: Giá chuyển nhượng cổ phần không thấp hơn mệnh giá.

2. Hình thức chuyển nhượng:

- Chào bán công khai cho Cán bộ công nhân viên Công ty.
- Trường hợp CBCNV Công ty không mua hoặc không mua hết sẽ chào bán cho các đối tác khác.

3. Thời gian chuyển nhượng:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

* ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trên cơ sở ĐHCĐ phê duyệt chủ trương chuyển nhượng cổ phần tại công ty nêu trên, kính trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động phê duyệt cho Tổng giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện công tác chuyển nhượng cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BanTGD;
- Lưu VT.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07 /2022/TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;
- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây và chiến lược phát triển những năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ của Công ty.

(Có phương án cụ thể được đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BanTGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
NHÀ ĐẤT VIỆT
Đ. CẦU GIẤY, T.P HÀ NỘI
Trần Quốc Huy

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

PHƯƠNG ÁN

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Kèm theo tờ trình số: CA/2022/TTr-HĐQT ngày 25/4/2022)

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ SỰ CẦN THIẾT TĂNG VỐN

- Tăng vốn điều lệ giúp Công ty nâng cao khả năng cân đối tài chính, tăng quy mô vốn chủ sở hữu. Theo đó năng lực tài chính của Công ty được cải thiện, uy tín với các tổ chức tín dụng được nâng cao hơn và chủ động hơn trong quá trình SXKD.

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhằm thu hút thêm vốn từ bên ngoài và tận dụng thế mạnh của nhà đầu tư (là đối tác/khách hàng có tiềm lực tài chính, có khả năng hỗ trợ Công ty trong việc mở rộng thị trường các lĩnh vực kinh doanh đang thực hiện) để nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của Công ty trên thị trường.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CHI TIẾT

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt
2. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
4. Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng
5. Số lượng cổ phần đang lưu hành: 50.000.000 cổ phần
6. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 10.000.000 cổ phần
7. Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng
8. Số lượng cổ phần dự kiến sau phát hành: 60.000.000 cổ phần
9. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 600.000.000.000 đồng
10. Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần phát hành thêm bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu là 03 (ba) năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu 01 (một) năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ khi hoàn thành việc phát hành.
11. Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ
12. Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư:
Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt trong đợt phát hành riêng lẻ này là cá nhân hoặc tổ chức trong nước hoặc nước ngoài đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:
 - Là khách hàng, cổ đông hoặc đối tác truyền thống của Công ty;
 - Có đủ năng lực tài chính;
13. Danh sách các Nhà đầu tư được tham gia đợt phát hành:
 - Đại hội đồng cổ đông Công ty (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) chủ động tìm kiếm và quyết định lựa chọn nhà đầu tư được tham gia mua cổ phần chào bán riêng lẻ, đàm phán các điều kiện về giá và các điều kiện ràng buộc khác để đảm bảo việc phát hành tăng vốn được thành công.
14. Giá phát hành: Ủy quyền cho HĐQT Công ty đàm phán giá với các nhà đầu tư đảm bảo tiêu chí nêu trên để quyết định giá. Giá chào bán là giá thỏa thuận nhưng đảm bảo không thấp hơn mệnh giá.
15. Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2022, sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
16. Xử lý cổ phần không phân phối hết: Số lượng cổ phần còn dư do nhà đầu tư không mua hết số cổ phần dự kiến chào bán (nếu có) theo phương án phát hành được ĐHĐCĐ và HĐQT



thông qua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT có toàn quyền quyết định phân phối tiếp cho các nhà đầu tư khác đáp ứng tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư nêu tại mục II.12 Phương án này.

17. Sửa đổi Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp căn cứ trên kết quả thực hiện phát hành. Căn cứ kết quả đợt phát hành, HĐQT sẽ tiến hành sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và thực hiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh mức vốn Điều lệ mới.

18. Lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phần phát hành thêm: Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được Công ty đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.

19. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

Để đảm bảo chủ động trong việc triển khai phương án phát hành hiệu quả, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định và thực hiện các vấn đề liên quan đến việc phát hành như sau:

- Lựa chọn thời điểm thực hiện thích hợp và xây dựng phương án chi tiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ dựa trên phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua sau khi có chấp thuận của UBCKNN;

- Xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, điều chỉnh và thay đổi phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thị trường, nhu cầu vốn kinh doanh của Công ty đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả tối ưu nhất. HĐQT sẽ công bố thông tin và báo cáo UBCKNN và ĐHĐCĐ gần nhất về tình hình sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

- Lựa chọn Nhà đầu tư được mua cổ phần theo tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được ĐHĐCĐ thông qua. Đàm phán với Nhà đầu tư và quyết định giá chào bán cổ phần phát hành thêm.

- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án đề đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN hoặc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi UBCKNN và các cơ quan quản lý có liên quan.

- Thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt chào bán.

- Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty điều khoản quy định vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán;

- Thực hiện đăng ký bổ sung và lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được chào bán thành công.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án huy động thành công, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông, Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là toàn bộ nội dung phương án tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt năm 2022 thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.



Số: 08/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Góp vốn đầu tư vào các tổ chức/ doanh nghiệp tiềm năng)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;

Để đa dạng hóa các nguồn thu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty được chủ động quyết định đầu tư vào các tổ chức, doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng và hiệu quả thông qua hình thức: Mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... theo nguyên tắc bảo toàn vốn của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Huy

TỜ TRÌNH
(V/v Thay đổi tên Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;

Căn cứ định hướng phát triển của Công ty, nhằm mở rộng lĩnh vực hoạt động trong thời gian tới. Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt (VPro) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc đổi tên Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt như sau:

1. Tên hiện nay: **Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt**

Tên Công ty mới:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Đất Việt

Tên Công ty bằng tiếng Anh:

Viet Real Estate Investment and Development Joint Stock Company

Tên Công ty viết tắt dự kiến: **VPRO**

2. Trong trường hợp việc thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc đổi tên Công ty tại Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội có sự trùng lặp tên dự kiến nêu trên, kính trình ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT chọn tên khác phù hợp để quyết định.

3. Do việc đổi tên Công ty dẫn đến thay đổi các điều khoản trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo đó, các phần, điều khoản trong Điều lệ sẽ được điều chỉnh tương ứng. Kính trình ĐHCĐ thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ và giao HĐQT thực hiện các thủ tục có liên quan.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Huy

Số: 10/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Sửa đổi Điều lệ và ban hành các Quy chế của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Đầu tư Nhà Đất Việt

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/01/2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;

Trên cơ sở những thay đổi các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành nêu trên, Công ty cần phải kịp thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung các nội dung của bản Điều lệ hiện hành và ban hành các Quy chế cho phù hợp nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các tài liệu sau đây:

1. Bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động theo Phụ lục 01 đính kèm tờ trình này;
2. Quy chế nội bộ về quản trị theo Phụ lục 02 đính kèm tờ trình này;
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Phụ lục 03 đính kèm tờ trình này;
4. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo Phụ lục 04 đính kèm tờ trình này.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Huy



PHỤ LỤC 01

(đính kèm Tờ trình số 10/TTTr-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2022)

PHỤ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng font chữ thường;
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm.
- Luật doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 2019 số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội được thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
- Nghị định là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Thông tư là thông tư số 116/2020/TT-BTC được Bộ Tài Chính thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
MỤC LỤC	MỤC LỤC	
PHÊ CHUẨN	PHẦN MỞ ĐẦU	Sửa theo thông tư 116/2020/TT-BTC
PHẦN 1. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	PHẦN 1. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 02 năm 2021 và cùng chấp thuận toàn văn Điều lệ này.	Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2022 và cùng chấp thuận toàn văn Điều lệ này.	Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ sau khi ĐHĐCĐ thông qua.
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	
a. Công ty” là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;	a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định	



b. Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

c. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty

d. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán.

e. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua tại thời điểm thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

f. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.

g. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

h. "Luật chứng khoán" có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

i. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.

j. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

tại Điều 5 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;*

c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;*

g) *Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;*

h) *Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;*

i) *Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;*

k) *Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;*

l) *Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;*

m) *Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;*

n) *Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty*

	<p><i>được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</i></p> <p><i>o) Sổ giao dịch chứng khoán là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</i></p>		<p>Sửa theo phần II thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>PHẦN 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p>PHẦN 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>Sửa theo Điều 2 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 6. Cổ phiếu</p>	<p>Điều 6. Cổ phiếu</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>Thay đổi thứ tự Điều trong Điều lệ</p>
<p>3. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p> <p>c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p>	<p>3. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p>		<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 121, Khoản 3,4 Điều 122 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>

11/5/2020 00:00:00

	<p>8. <i>Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ số đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.</i></p> <p>9. <i>Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.</i></p>	
<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p>	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p>1. <i>Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông</i></p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 114 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</p>
<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật</p>	<p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p><i>i. Được đối xử công bằng, bình đẳng;</i></p> <p><i>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p>l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 12 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông</p>	
<p>7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này</p>	<p>7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện hoặc hình thức khác đến được trụ sở công ty.</p> <p>9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa theo Khoản 6,8 Điều 13 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời gian 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm tổ chức phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự cuộc họp</p>	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính., Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1,4 Điều 14 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội</p>	

<p>đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>ì) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 15 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>			

	<p>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) <i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p>n) <i>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</i></p>	
<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty, Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm hoặc thay thế Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty (trừ việc sửa đổi những nội dung của Điều lệ mà thuộc thẩm quyền quyết</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) <i>Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</i></p> <p>b) <i>Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</i></p> <p>c) <i>Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</i></p> <p>d) <i>Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);</i></p> <p>đ) <i>Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p>e) <i>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</i></p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) <i>Bầu, bãi miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p>i) <i>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p>j) <i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p>k) <i>Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</i></p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối</p>	<p>Sửa theo Khoản 2 Điều 15 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

11/10/2020

<p>định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này) và báo cáo tại ĐHCĐ gần nhất;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định hoặc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp</p>	<p>với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 18. Các đại diện được ủy quyền</p>	<p>Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>
--	---	--	---

<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 16 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b, c và d Khoản 3 Điều 16 Điều lệ này</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 18 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Sửa theo Khoản 1 Điều 145 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 1 Điều 19 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	
	<p>14. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến trong đó một số hoặc tất cả Cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau có thể:</p> <p>a) Nhìn thấy và nghe thấy Chủ tọa cùng những người khác tham dự Đại hội phát biểu tại cuộc họp; và</p> <p>b) Giao tiếp được với Chủ tọa và các Cổ đông khác cùng lúc một cách trực tiếp hoặc thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng các hình thức áp dụng công nghệ khác.</p>	<p>Sửa theo Khoản 10 Điều 20 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>



	<p>15. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo các hình thức quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Các nghị quyết về các nội dung sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</p> <p>a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;</p> <p>b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại và giải thể Công ty;</p> <p>f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty</p>	<p>Điều 23. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>f) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Sửa theo Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>
<p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và</p>	<p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 3,5 Điều này và khoản 4,6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa theo khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>



<p>khoản 5 Điều này.</p>	<p>6. Nghị quyết của Đại hội cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền được dự họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 21 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>6. Nghị quyết của Đại hội cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền được dự họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p>Sửa theo Khoản 3 Điều 21 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>7. Nghị quyết của Đại hội cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền được dự họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Điều 150 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 23 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty</p>	<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông</p>	<p>Sửa theo Điều 150 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 23 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải

6/2/2024

<p>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>được phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>
<p>Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 31. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa theo Khoản 6 Điều 26 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và kết quả sản xuất kinh doanh, ngân sách hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó Ban quản lý dự án và quy định mức lương của họ;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p>	<p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp</p>	<p>Sửa theo Khoản 2, Điều 27 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

e. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

f. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

g. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

h. Cử người đại diện vốn góp ở các Công ty con, công ty liên kết và các công ty khác có vốn góp của Công ty;

i. Giải quyết các khiếu nại của Công ty với các cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

j. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

l. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

n. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó Ban quản lý dự án; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

	<p>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>4. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 1 và n Khoản 2 Điều 17 và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này.</p>	<p>4. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa theo Khoản 2, Điều 27 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 33. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p>	
<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp</p>	<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>14.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p>	<p>Sửa theo Điều 158 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 6, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p>

- c) Mục đích, chương trình và nội dung hợp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự hợp hoặc người được ủy quyền dự hợp và cách thức dự hợp; họ, tên các thành viên không dự hợp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự hợp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 14.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 14.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- 14.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Thư ký công ty

Điều 35. Người phụ trách quản trị Công ty

11/3/2011 VIỆT U AN T 1/2/11

<p>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ công ty trong việc xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>g. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn HDQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và Cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp HDQT, BKS, ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HDQT hoặc BKS;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết HDQT phù hợp với các quy định của pháp luật;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo HDQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa theo Điều 32 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 37. Cán bộ quản lý</p>	<p>Điều 37. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa theo Điều 34 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>1. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyên dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự sẵn sàng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p>	<p>2. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyên dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	
<p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>3. <i>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</i></p>	
<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p>	
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố</p>	<p>Sửa theo Điều 47 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

thông tin.	
<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh, cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh, cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>
<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>
<p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>
	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>

<p>Điều 43. Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 43. Ban kiểm soát</p>	
<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này</p>	<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p><i>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i></p> <p><i>g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</i></p> <p><i>h. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</i></p> <p><i>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.</i></p>	<p>Sửa theo Khoản 6, 7, 8, 9 Điều 37 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 46. Cổ tức</p> <p>5. Trường hợp có tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông</p>	<p>Điều 46. Phân phối lợi nhuận</p> <p>5. Trường hợp có tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông</p>	<p>Sửa theo Điều 51 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p>	<p>nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p>	
<p>8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 50. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p>	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p>	
<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối mỗi năm tài chính</p>	<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	<p>Sửa theo Điều 55 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	
<p>Điều 54. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Không có đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>d. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định</p>	<p>Điều 54. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Không có đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa theo Điều 207 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 1 Điều 59 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.</p>	<p>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác.</p>	<p>Sửa theo Điều 62 thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

PHỤ LỤC 02

(đính kèm Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2022)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dự thảo)
**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT**

CĂN CỨ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“**Luật doanh nghiệp**”);
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (“**Luật chứng khoán**”);
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (“**Nghị định**”);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Điều lệ công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt (“**Điều lệ Công ty**”);
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số.... /2022/NQ-ĐHĐCĐ –VPRO ngày ... tháng..... năm 2022.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) ban hành Quy chế nội bộ về quản trị (Sau đây gọi là “**Quy chế**”) của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”), HĐQT, Tổng Giám đốc (“**TGD**”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (“**BKS**”), TGD và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, TGD và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.

1.1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1.2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ bao gồm các nội dung chính sau đây:

2.1. Thẩm quyền triệu tập ĐHĐCĐ

a) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên.

b) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty, yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành văn bản và tập hợp đầy đủ chữ ký của Cổ đông liên quan;
- Theo yêu cầu của BKS;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 16.3; Điều 16.4 Điều lệ Công ty.

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách Cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước khi gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nhà nước. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ

- a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội và các công việc khác theo quy định Điều 20 Điều lệ công ty.
- b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá

nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình hợp.

- c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến điểm b nêu trên trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung/quy định tại điểm b Điều này;
 - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- d) Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại điểm b Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- e) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- f) Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

2.6. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

- a) Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật doanh nghiệp thì uỷ quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ.
- b) Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c) Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó

được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

d) Trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

e) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết tại cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ bầu những người kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị thay đổi.

2.8. Điều kiện tiến hành:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- b) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c) Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b mục này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp.
- ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2.10. Cách thức bỏ phiếu:

- a) Việc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu thực hiện như sau:
 - Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến.
 - Các cổ đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:
 - + Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong.
 - + Việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
 - Các thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:
 - + Thẻ biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra và không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa viết thêm những nội dung khác ngoài quy định;
 - + Ghi thêm những thông tin, nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
 - + Phiếu biểu quyết không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền.
 - + Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong thẻ biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.
 - Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi thẻ biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu thì được quyền gặp trực tiếp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại thẻ biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- b) Việc biểu quyết theo hình thức biểu quyết trực tiếp (trong trường hợp không áp dụng hình thức bỏ phiếu) thực hiện như sau: Cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết của mình lên hoặc

bằng hình thức khác theo sự điều khiển của chủ tọa hoặc Đoàn chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại mã cổ đông và số phiếu tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- c) Việc bầu thành viên HĐQT/BKS được thực hiện theo Quy chế bầu thành viên HĐQT/BKS thông qua tại Đại hội hoặc Quy chế được gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến Cổ đông (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

2.11. Cách thức kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu do chủ tọa đề nghị và được ĐHQĐ thông qua để thực hiện việc kiểm phiếu tại cuộc họp;
- b) Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:
- Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/ khu vực riêng;
 - Ban kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu
 - Kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết;
 - Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
 - Tính toán và loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của Cổ đông có liên quan (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết);
 - Niêm phong toàn bộ phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho Trưởng ban kiểm phiếu.
- c) Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập biên bản kết quả kiểm phiếu;
 - Nội dung biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - + Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - + Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - + Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp;
 - + Tổng số Cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu;
 - + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, không hợp lệ;
 - + Số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng vấn đề;
 - + Biên bản kiểm phiếu có chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu.

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Tổ chức lại và giải thể Công ty.
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ.
- b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại điểm a mục này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

- c) Các Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trước khi bế mạc Đại hội.

2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, GD (TGD), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b) Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm luật hoặc Điều lệ công ty.

2.15. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

- a) Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- d) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

2.16. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- 3.1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty, HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- 3.2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện như sau:
- a) HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân: tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- c) Phiếu lấy ý kiến được gửi về Công ty theo hình thức sau:
- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử

phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

h) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành trừ những trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết) và hình thức hội nghị kết hợp với trực tuyến:

4.1. Công ty có thể tổ chức ĐHĐCĐ dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quyết định của HĐQT hoặc xảy ra các sự kiện bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, các quyết định hạn chế/cấm từ cơ quan Nhà nước ... làm ảnh hưởng đến việc tổ chức ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tiếp.

4.2. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ theo các hình thức quy định tại mục 4.1 nêu trên, HĐQT phải chịu trách nhiệm ban hành và công bố Quy chế tổ chức họp, biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo hình thức tương ứng.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

- 1.1. HĐQT là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 1.2. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.
- 1.3. HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 31.5 Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

- 2.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i) Các thông tin khác (nếu có).
- 2.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo quy định của khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.
- 2.3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

2.4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 28 Điều lệ công ty.

3. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

3.1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người.

3.2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 (năm) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3.3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Cơ cấu HĐQT của HĐQT đảm bảo tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3.4. Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Thành viên đó không còn là người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức;
- Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.5. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

4.1. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

4.2. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT (và số tiền thù lao cho từng thành viên) bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

4.3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4.4. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các

khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT:

- 5.1. Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 5.2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.
- 5.3. Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - Có đề nghị của GD hoặc TGD điều hành hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của HĐQT;
- 5.4. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- 5.5. Các cuộc họp HĐQT nêu tại mục 5.3 Khoản này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại mục 5.3 Khoản này có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.
- 5.6. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 5.7. Địa điểm họp. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 5.8. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp nếu. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.
- 5.9. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông

qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế (người được uỷ quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên HĐQT dự họp.

5.10. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp cuộc họp của HĐQT tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

5.11. Biểu quyết.

- a) Trừ quy định tại điểm b mục 5.11 Khoản 5 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c) Theo quy định tại điểm d mục 5.11 Khoản 5 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng

sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d) Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và b Khoản 5 Điều 40 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5.12. Công khai lợi ích. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5.13. Biểu quyết đa số. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

5.14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và có giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

5.15. Biên bản họp HĐQT phải được lập theo quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp.

6. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT.

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

7. Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS.

BKS có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 43 Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (Kiểm soát viên)

- 2.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1,2 Điều 29 Điều lệ Công ty.
- 2.2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Việc BKS giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi đại hội cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

- 3.1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 05 (năm) người. Các Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ bầu, nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 3.2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp.
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, GD hoặc TGD và người quản lý khác;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - d) Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 3.3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Điều lệ công ty;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 3.4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c) Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giám Đốc hoặc Tổng Giám Đốc

1. Bổ nhiệm. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm GD hoặc TGD điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan.
2. Nhiệm kỳ của GD hoặc TGD điều hành không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. GD hoặc TGD có những quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Điều lệ Công ty;
4. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm. GD hoặc TGD điều hành Công ty bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm GD hoặc TGD theo quy định tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ công ty;
 - b) Có đơn xin từ chức;
 - c) HĐQT có thể bãi nhiệm GD hoặc TGD điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một GD/ TGD mới thay thế.
5. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của GD hoặc TGD điều hành phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên, được thể hiện thành một mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS.

- 1.1. Chủ tịch HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho BKS tham dự các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS có quyền tham dự các cuộc họp HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
- 1.2. HĐQT có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho BKS thực hiện quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT theo quy định; đồng thời chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS.
- 1.3. BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty.
- 1.4. HĐQT đảm bảo tất cả các Nghị quyết/quyết định sẽ được cung cấp cho thành viên BKS đồng thời cung cấp cho các thành viên HĐQT.

2. Phối hợp giữa HĐQT và GD/TGD

- 2.1. HĐQT đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để GD/TGD thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 2.2. GD/TGD có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của HĐQT/ĐHCĐ. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không có lợi cho Công ty, các Cổ đông, TGD có quyền kiến nghị HĐQT xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.
- 2.3. TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHCĐ.
- 2.4. GD/TGD và các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tại mọi điều kiện để các thành viên HĐQT được tiếp cận thông tin, một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

3. Phối hợp hoạt động giữa BKS và GD/TGD

- 3.1. GD/TGD có thể mời BKS tham dự cuộc họp của Ban GD (nếu xét thấy cần thiết). BKS có thể đóng góp ý kiến (nếu có) tại cuộc họp cho TGD.
- 3.2. GD/TGD thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

- 3.3. GD/TGD có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho BKS được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.
- 3.4. Các báo cáo của GD/TGD HĐQT phải được gửi đồng thời đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến các thành viên HĐQT.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 07 Điều do HĐQT tổ chức việc soạn thảo, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. HĐQT, BKS, GD/TGD chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Công ty và trình ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Dự thảo)

PHỤ LỤC 03

(đính kèm Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2022)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT

HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2022

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("**Luật doanh nghiệp**");
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật doanh nghiệp số 03/2022/QH15;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 ("**Luật chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("**Nghị định**");
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Điều lệ công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt ("**Điều lệ Công ty**");
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số.... /2022/NQ-ĐHĐCĐ –VPRO ngày ... tháng..... năm 2022.

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt ("**Công ty**")

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**"), trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc /Tổng giám đốc ("**TGD**") tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
- d) Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc /Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc /Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có 05 thành viên. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm.
2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;
 - đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát (“BKS”) của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch HĐQT

- 1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.
- 2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng Giám đốc).
- 3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- 5. HĐQT bổ nhiệm 01 Người phụ trách quản trị để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm là Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan đến Công ty và Cổ đông.;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
 - c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật các thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
- b) Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có

số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao

dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

- a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của BKS;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

HQĐT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiêu ban giúp việc HĐQT.

1. HĐQT có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT /thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa

số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiêu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 17. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của BKS.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

- Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

- Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với BKS hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của BKS hoặc Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Quốc Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Dự thảo)

PHỤ LỤC 04

(đính kèm Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2022)

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT**

HÀ NỘI, NGÀY THÁNG NĂM 2022

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("**Luật doanh nghiệp**");
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 ("**Luật chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("**Nghị định**");
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
- Điều lệ công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt ("**Điều lệ Công ty**");
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số.... /2022/NQ-ĐHĐCĐ –VPRO ngày ... tháng..... năm 2022.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ("**BKS**") quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của BKS và các thành viên BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của BKS được áp dụng cho BKS và các thành viên BKS.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của BKS

BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.

Chương II **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. BKS có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị ("**HDQT**"), Giám đốc/Tổng Giám đốc ("**TGD**") và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác];
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên BKS công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng BKS do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b) Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên BKS. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.
14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua.
23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.
24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 13. Trách nhiệm của BKS trong việc triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.
4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên BKS của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên BKS chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên BKS hoặc với những người có liên quan của thành viên BKS theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên BKS và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với HĐQT

BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của BKS Công ty cổ phần Đầu tư Nhà Đất Việt bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2022

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Kỳ